SỞ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO TP. HCM
TRƯỜNG TRUNG CẤP KINH TẾ - KỸ THUẬT S

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH
DỰ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Học phần: Giáo Dục Quốc Phòng **Thi lần: 1**
Ngành : **Học kỳ: I**
Lớp: Ban Ngày Đợt 1 **Khóa: 08 (2012 - 2014)** **Năm học: 2012 - 2013**
Giờ thi: **Ngày thi:** **Phòng thi:**

TT	Mã HS	Họ & Tên		Ngày sinh	Điểm qúa trình					Thi		Thi	Tổng Kết L1	Tổng Kết L2	Số tờ	Chữ ký	Ghi chú
					HS 1	HS 1	HS 2	H S2	TB KT	L1	L2						
1	12KT1	Nguyễn Thụy Ngọc	Bích	29/9/89									6.6				
2	12KT1	Lưu Thục	Bình	19/6/81	7.0		7.0		7.0	8.0		8.0	7.5				
3	12KT1	Phạm Thị Kim	Liên	6/11/88	7.0		7.0		7.0	7.0		7.0	7.0				
4	12KT1	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	29/6/91	7.0		7.0		7.0	7.0		7.0	7.0				
5	12KK1	Nguyễn Thị Thanh	Hồng	29/3/93	8.0		8.0		8.0	8.0		8.0	8.0				
6	12KK1	Lê Dương Biên	Thùy	18/08	7.0		7.0		7.0	8.0		8.0	7.5				
7	12KK1	Võ Mỹ	Tiên	7/7/93	8.0		8.0		8.0	9.0		9.0	8.5				
8	12KK1	Bùi Ngọc Nhã	Uyên	19/12/86					0.0	0.0		0.0	0.0				
9	12NH1	Phạm Thị Ánh	Dương	07/06/92	7.0		7.0		7.0	7.0		7.0	7.0				
10	12NH1	Nguyễn Ngọc	Duyên	09/02/90					0.0	0.0		0.0	0.0				
11	12NH1	Thái Mỹ	Duyên	04/10/92	7.0		7.0		7.0	7.0		7.0	7.0				
12	12NH1	Nguyễn Huỳnh Cẩm	Hồng	01/12/91	8.0		8.0		8.0	9.0		9.0	8.5				
13	12NH1	Nguyễn Văn	Khánh	17/1/90	7.0		7.0		7.0	7.0		7.0	7.0				
14	12NH1	Vương Văn	Thanh	05/10/83	9.0		9.0		9.0	9.0		9.0	9.0				
15	12NH1	Nguyễn Phương	Thảo	26/7/91					0.0	0.0		0.0	0.0				
16	11MR1	Nguyễn Hòa	An	22/4/92	8.0		8.0		8.0	8.0		8.0	8.0				
17	12MR1	Nguyễn Văn	Hậu	15/3/93					0.0	0.0		0.0	0.0				
18	12MR1	Trần Thị	Huyền	10/09/92	7.0		7.0		7.0	7.0		7.0	7.0				
19	12MR1	Lưu Trúc	Lâm	15/8/92					0.0	0.0		0.0	0.0				
20	12MR1	Nguyễn Thị Kim	Ngân	07/12/94					0.0	0.0		0.0	0.0				
21	12MR1	Trần Ngọc	Trân	24/10/91	7.0		7.0		7.0	6.0		6.0	6.5				
22	12MR1	Võ Thị Huyền	Trang	16/09/92					0.0	0.0		0.0	0.0				
23	12MR1	Nguyễn Văn	Trưng	11/7/90									7.8				
24	12TK1	Nguyễn Thị Thùy	Dương	01/04/93					0.0	0.0		0.0	0.0				
25	12TK1	Đặng Ngọc	Giàu	28/10/12	7.0		7.0		7.0	8.0		8.0	7.5				

TT	Mã HS	Họ & Tên		Ngày sinh	Điểm qúa trình					Thi		Thi	Tổng Kết L1	Tổng Kết L2	Số tờ	Chữ ký	Ghi chú
					HS 1	HS 1	HS 2	H S2	TB KT	L1	L2						
26	12TK1	Lý Thị Ánh	Hoa	01/11/88	9.0		9.0		9.0	9.0		9.0	9.0				
27	12TK1	Phạm Kiến	Quốc	29/4/91					0.0	0.0		0.0	0.0				
28	12TK1	Phan Thị Vân	Thùy	31/1/91	7.0		7.0		7.0	7.0		7.0	7.0				
29	12DL1	Trần Thị Mỹ	Hạnh	00/00/91			7.0		4.7	8.0		8.0	6.4				
30	12DL1	Nguyễn Thị	Hợp	12/1/88					0.0	0.0		0.0	0.0				
31	12DL1	Lê Vũ Phi	Hùng	06/03/89					0.0	0.0		0.0	0.0				
32	12TH1	Lê Nguyễn Kiên	Cường	11/07/93	6.0		6.0		6.0	0.0		0.0	3.0				
33	12TH1	Nguyễn Hữu	Hoàng	12/03/91	7.0		7.0		7.0	0.0		0.0	3.5				
34	12TH1	Nguyễn Vũ	Thường	25/7/90					0.0	0.0		0.0	0.0				
35	12DC1	Ngô Trung	Công	22/8/94	7.0		7.0		7.0	6.0		6.0	6.5				
36	12DC1	Nguyễn Trung	Hiếu	25/1/93					0.0	0.0		0.0	0.0				
37	12DC1	Nguyễn Xuân	Hùng	12/2/92					0.0	0.0		0.0	0.0				
38	12DC1	Đặng Anh	Khoa	05/07/91					0.0	0.0		0.0	0.0				
39	12DC1	Lê Hữu	Sinh	26/08/91	7.0		7.0		7.0	7.0		7.0	7.0				
40	12DC1	Nguyễn Công	Thân	24/12/92					0.0	0.0		0.0	0.0				
41	12DC1	Đoàn Đức	Thiện	10/02/91	7.0		7.0		7.0	7.0		7.0	7.0				
42	12DC1	Nguyễn Anh	Tiến	14/6/92									6.0				
43	12XD1	Đinh Xuân	Đức	15/6/91	7.0		7.0		7.0	7.0		7.0	7.0				
44	12XD1	Trần Trọng	Hiến	20/7/92					0.0	0.0		0.0	0.0				
45	12XD1	Trần Thế	Hiển	23/6/90	7.0		7.0		7.0	6.0		6.0	6.5				
46	12XD1	Nguyễn Quốc	Huy	10/09/91	8.0		8.0		8.0	8.0		8.0	8.0				
47	12XD1	Trần Tuấn	Nam	17/3/90					0.0	0.0		0.0	0.0				
48	12XD1	Hướng Đăng	Quang	09/10/91					0.0	0.0		0.0	0.0				
49	12XD1	Hướng Vinh	Quang	04/01/85					0.0	0.0		0.0	0.0				
50	12XD1	Trần Tiến	Sỹ	02/04/89	8.0		8.0		8.0	7.0		7.0	7.5				
51	12XD1	Đặng Sĩ	Tâm	21/9/91	7.0		7.0		7.0	7.0		7.0	7.0				
52	2QLðð	Trần Ngọc Minh	Châu	04/02/85					0.0	0.0		0.0	0.0				
53	2QLðð1	Trần Ngọc	Hiếu	18/7/91	7.0		7.0		7.0	7.0		7.0	7.0				
54	2QLðð1	Trần Minh	Hoàng	29/12/87					0.0	0.0		0.0	0.0				
55	2QLðð	Lê Huệ	Minh	06/09/92	7.0		7.0		7.0	7.0		7.0	7.0				
56	2QLðð	Cao Hoài	Nhân	24/10/88					0.0	0.0		0.0	0.0				
57	12QT1	Đinh Trần Bảo	Hoàng	15/1/93			7.0		4.7	7.0		7.0	5.9				
58	12QT1	Lê Phan	Ngân	29/1/91			7.0		4.7	8.0		8.0	6.4				
59	12CB1	Ngô Văn	Binh	16/08/89					0.0	0.0		0.0	0.0				
60	12CB1	Huỳnh Bá Thanh	Điệp	26/1/88					0.0	0.0		0.0	0.0				

TT	Mã HS	Họ & Tên		Ngày sinh	Điểm qúa trình					Thi		Thi	Tổng Kết L1	Tổng Kết L2	Số tờ	Chữ ký	Ghi chú
					HS 1	HS 1	HS 2	H S2	TB KT	L1	L2						
61	12CB1	Nguyễn Văn	Giang	20/2/87					0.0	0.0		0.0	0.0				
62	12CB1	Bùi Văn	Giàu	26/03/1988					0.0	0.0		0.0	0.0				
63	12CB1	Trần Chí	Nhân	24/1/89					0.0	0.0		0.0	0.0				
64	12CB1	Phùng Thị	Phải	07/07/92	8.0		8.0		8.0	7.0		7.0	7.5				
65	12CB1	Phan Minh	Phụng	20/6/89					0.0	0.0		0.0	0.0				
66	12CB1	Trần Văn	Thịnh	03/06/92					0.0	0.0		0.0	0.0				
67	10CB1	Huỳnh Văn	Nu	6/1/92	8.0		8.0		8.0	8.0		8.0	8.0				
68	11KT1	Lê Hoàng Vân	Lý	25/3/89	7.0		7.0		7.0	6.0		6.0	6.5				
69	11MR1	Trần Hoàng	Oanh	20/8/89	7.0		7.0		7.0	7.0		7.0	7.0				
70	11DL1	Thới Trường	Duy	10/4/92	7.0		7.0		7.0	7.0		7.0	7.0				
71	11DL1	Lê Đình	Tuấn	7/3/88	7.0		7.0		7.0	0.0		0.0	3.5				
72	10NH1	Trần Trạch	Hà	14/4/91	8.0		8.0		8.0	7.0		7.0	7.5				
73	11KK1	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	1993	7.0		7.0		7.0	0.0		0.0	3.5				
74	11MR1	Nguyễn Thị Phương Thi		2/2/88	8.0		8.0		8.0	7.0		7.0	7.5				
75	10XD1	Nguyễn Công	Trường	9/8/91	7.0		7.0		7.0	6.0		6.0	6.5				
76	10NH1	Chu Quang	Anh	10/3/91	7.0		7.0		7.0	6.0		6.0	6.5				
77	11KT1	Phạm Quang	Nhân		7.0		7.0		7.0	7.0		7.0	7.0				
78	10CB1	Phạm Văn	Thương		6.0		6.0		6.0	6.0		6.0	6.0				
79	11XD1	Trần Thị Thu	Thủy										6.0				
80	11MR2	Nguyễn Quốc	Đạt										6.0				

Tổng số: 80 thí sinh.

TP. HCM, ngày …… tháng ……. năm ...

HIỆU TRƯỞNG
(Duyệt)

PHÒNG ĐÀO TẠO

+ Số thí sinh có mặt: ……
+ Số thí sinh vắng mặt: ……
+ Số bài thi:……..
+ Số tờ giấy thi:……..

Ghi chú:
+ Thí sinh vắng thi thì CB coi thi gạch từ cột (1) đến cột (10); cột (11) ghi chữ "vắng"; gạch tiếp từ cột (12) đến cột (14).
+ Ngay sau khi nhận kết quả chấm thi từ

Cán bộ coi thi 1
(Ký & ghi họ tên)

Cán bộ coi thi 2
(Ký & ghi họ tên)

Giáo viên chấm thi 1

Giáo viên chấm thi 2

TT	Mã HS	Họ & Tên	Ngày sinh	Điểm qúa trình					Thi		Thi	Tổng Kết L1	Tổng Kết L2	Số tờ	Chữ ký	Ghi chú
				HS 1	HS 1	HS 2	H S2	TB KT	L1	L2						

giáo viên, phòng Đào tạo photo Danh sách này chuyển cho CB ghi Sổ đăng ký học sinh.

(Ký & ghi họ tên) *(Ký & ghi họ tên)*

* Ngày giao - nhận:……
* Người giao *(Ký, họ tên)* :……
* Người nhận *(Ký, họ tên)* :…….